

*TP. Hồ Chí Minh, ngày    tháng    năm 2021*

**KẾ HOẠCH**  
**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG**  
**(Hoạt động tổng thể từ 2021 – 2025)**

Thực hiện Quyết định số: 109/2004/QĐ-UB, ngày 21/4/2004, của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập trường THPT chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định; và việc triển khai Quyết định số 2198/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, Nghị quyết 08 – NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020, đồng thời nhằm tạo điều kiện xây dựng mô hình nhà trường phát triển toàn diện, bền vững và đáp ứng yêu cầu theo xu thế hội nhập và phát triển của đất nước;

Trường THPT chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định tiến hành lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường (Hoạt động tổng thể từ 2021 – 2025) với nội dung cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**

**A. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC:**

- Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa và xã hội của đất nước, việc xây dựng và phát triển một ngôi trường đào tạo học sinh năng khiếu thể dục thể thao của thành phố, nhằm tạo nguồn cung cấp vận động viên đỉnh cao hay lực lượng huấn luyện viên chuyên nghiệp, giáo viên giáo dục thể chất trong tương lai là vô cùng cấp thiết.

- Được thành lập từ năm 2004, trường THPT chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định trong định hướng phát triển của mình, sân bãi tập luyện đạt chuẩn, nhà thi đấu đa năng, hồ bơi thi đấu và ký túc xá, mục tiêu nhà trường phải nhanh chóng đề ra định hướng chiến lược phát triển với việc củng cố nguồn nhân lực,

cơ chế điều hành, xây dựng một chương trình đào tạo khung và một hệ thống chế độ, chính sách phù hợp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

### **B. CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

1. Quyết định số 32/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao trong giáo dục phổ thông.

2. Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Quyết định số 82/2008/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên.

4. Nghị định số 61/2006/NĐ-CP, ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Quyết định số: 109/2004/QĐ-UB, ngày 21/4/2004, của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Quyết định số: 156/2004/GDĐT-TC, ngày 09 tháng 9 năm 2004, của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định

### **C. VĂN BẢN THAM KHẢO:**

1. Nghị quyết số 08 – NQ/TW, ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.

2. Quyết định số 2198/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020.

3. Thông báo số 217/TB-VP ngày 08 tháng 4 năm 2011 kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hứa Ngọc Thuận về dự án xây dựng Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định.

4. Quyết định số 26/2005/QĐ-UB ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chế độ bồi dưỡng và tiền thưởng đối với huấn luyện viên, Vận động viên, Trọng tài ngành thể dục, thể thao thành phố.

5. Công văn số 2247/GDĐT-KHTC ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp. Hồ Chí Minh.

6. Thông tư liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC – BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2008 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao”.

7. Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC – BVHTTDL ngày 7 tháng 11 năm 2011 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao”.



Khu học tập văn hóa



Khu huấn luyện và thi đấu thể thao đa năng

## PHẦN THỨ HAI

### THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

#### A.KHÁI QUÁT:

- Trường THPT chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định tọa lạc tại số 215 đường Hoàng Ngân, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, gần trục đại lộ Võ Văn Kiệt, giáp ranh với quận 6 và quận Bình Tân.

- Diện tích toàn bộ khuôn viên trường là 54.031,4 m<sup>2</sup>.

- Điện thoại: 028.54.320.744 Fax: 028.54.320.745

- Nhà trường tổ chức khai giảng năm học đầu tiên 2004 – 2005.

- Với mục tiêu hướng đến việc đào tạo lực lượng học sinh chuyên năng khiếu thể dục thể thao trong trường trung học, Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà trường theo các giai đoạn sau:

**Giai đoạn 1:** Bao gồm việc xây dựng khu vực phòng học văn hóa 2 tầng lầu mái ngói, khu vực phòng chức năng 01 tầng lầu mái ngói, khu hành chánh trệt mái ngói, đưa vào sử dụng ngay trong năm học 2004 – 2005

**Giai đoạn 2:** xây dựng tiếp các hạng mục, tách thành 2 gói thầu:

+ ***Gói thầu 1:*** được khởi công vào tháng 9 năm 2008 xây dựng sân bóng đá 11 người mắt cỏ nhân tạo, đường chạy điền kinh phủ nhựa tổng hợp, hồ nhảy xa, nhảy cao và bắt đầu đưa vào sử dụng trong năm học 2009 - 2010.



+ **Gói thầu 2:** Đến tháng 5/2011 tiếp tục khởi công xây dựng nhà thi đấu đa năng, hồ bơi và khu nhà nội trú, khu nhà quản lý. Dự kiến đưa công trình vào sử dụng cho năm học 2012 – 2013.

**Giai đoạn 3:** Nâng toàn bộ nền khu vực học tập văn hóa (giai đoạn 1) đã bị lún và ngập do triều cường, cải tạo các phòng học, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng.

## **B. CHẾ ĐỘ HỌC VÀ CHƯƠNG TRÌNH:**

Để có nguồn học sinh năng khiếu huấn luyện phù hợp, nhà trường tuyển sinh học sinh theo 2 cấp học: trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trong đó có 2 đối tượng học sinh năng khiếu thể dục thể thao và học sinh thường.

- Thực hiện chế độ dạy và học văn hóa cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông theo chế độ 2 buổi/ngày. Giảng dạy theo Chương trình Giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành.

- Việc giảng dạy và huấn luyện học sinh năng khiếu được tổ chức theo năng khiếu, với chương trình theo đặc điểm từng bộ môn thể thao. Thời gian tập luyện học kỳ I (tháng 7-12) 6 buổi chiều/tuần, học kỳ II (tháng 01-5) 5 buổi chiều/tuần. Ngoài thời gian huấn luyện tập trung, học sinh được nghỉ tập luyện trong các kỳ kiểm tra văn hóa, tham gia tập huấn, thi đấu và nghỉ, tự tập luyện trong tháng 6 hàng năm.

## **C. QUY MÔ PHÁT TRIỂN**

**Số lượng lớp và số học sinh phổ thông từ năm học 2010 – 2011 đến nay:**

|               | 2010 -<br>2011 | 2011 -<br>2012 | 2012 -<br>2013 | 2013 -<br>2014 | 2014 -<br>2015 | 2015 -<br>2016 | 2016 -<br>2017 | 2017 -<br>2018 | 2018 -<br>2019 | 2019 -<br>2020 |
|---------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>TS lớp</b> | <b>38</b>      | <b>38</b>      | <b>34</b>      | <b>34</b>      | <b>37</b>      | <b>37</b>      | <b>43</b>      | <b>44</b>      | <b>43</b>      | <b>42</b>      |
| <b>Lớp 6</b>  |                |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp        | 01             | 02             | 02             | 02             | 03             | 03             | 03             | 02             | 02             | 02             |
| Số HS         | 50             | 63             | 59             | 74             | 94             | 88             | 89             | 76             | 78             | 66             |
| <b>Lớp 7</b>  |                |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp        | 03             | 02             | 02             | 02             | 02             | 03             | 03             | 03             | 02             | 02             |
| Số HS         | 121            | 53             | 58             | 55             | 56             | 83             | 84             | 94             | 80             | 80             |
| <b>Lớp 8</b>  |                |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp        | 03             | 03             | 02             | 02             | 02             | 02             | 03             | 02             | 03             | 02             |
| Số HS         | 105            | 97             | 55             | 55             | 51             | 54             | 54             | 59             | 104            | 69             |

|               |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
|---------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Lớp 9</b>  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
| Số lớp        | 01    | 03    | 03    | 02    | 02    | 02    | 02    | 02    | 02    | 03    |
| Số HS         | 42    | 74    | 82    | 44    | 61    | 46    | 47    | 68    | 63    | 83    |
| <b>Lớp 10</b> |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
| Số lớp        | 08    | 11    | 11    | 11    | 13    | 12    | 12    | 13    | 13    | 12    |
| Số HS         | 343   | 364   | 346   | 320   | 456   | 523   | 530   | 547   | 540   | 485   |
| <b>Lớp 11</b> |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
| Số lớp        | 10    | 08    | 07    | 09    | 07    | 09    | 12    | 11    | 11    | 11    |
| Số HS         | 392   | 287   | 248   | 309   | 204   | 345   | 354   | 437   | 480   | 472   |
| <b>Lớp 12</b> |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
| Số lớp        | 12    | 09    | 07    | 06    | 08    | 06    | 08    | 11    | 10    | 10    |
| Số HS         | 482   | 310   | 260   | 224   | 259   | 180   | 182   | 425   | 392   | 416   |
| TSHS          | 1.535 | 1.248 | 1.108 | 1.081 | 1.181 | 1.319 | 1.340 | 1.706 | 1.737 | 1.671 |

- Trong đó có học sinh năng khiếu các bộ môn bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, võ thuật (Vovinam, Taekwondo), bơi lội, cầu lông, đá cầu.

**- Số liệu HS năng khiếu**

|               | 2010<br>-<br>2011 | 2011 -<br>2012 | 2012 -<br>2013 | 2013 -<br>2014 | 2014 -<br>2015 | 2015 -<br>2016 | 2016 -<br>2017 | 2017 -<br>2018 | 2018 -<br>2019 | 2019 -<br>2020 |
|---------------|-------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>TS lớp</b> | <b>11</b>         | <b>14</b>      | <b>15</b>      | <b>15</b>      | <b>16</b>      | <b>17</b>      | <b>19</b>      | <b>17</b>      | <b>18</b>      | <b>17</b>      |
| <b>Lớp 6</b>  |                   |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp NK     | 01                | 02             | 02             | 02             | 03             | 03             | 03             | 02             | 02             | 02             |
| Số HSNK       | 50                | 63             | 59             | 74             | 91             | 89             | 113            | 76             | 76             | 66             |
| <b>Lớp 7</b>  |                   |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp NK     | 03                | 02             | 02             | 02             | 02             | 03             | 03             | 03             | 02             | 02             |
| Số HSNK       | 121               | 53             | 58             | 55             | 55             | 84             | 86             | 94             | 78             | 80             |
| <b>Lớp 8</b>  |                   |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp NK     | 03                | 03             | 02             | 02             | 02             | 02             | 03             | 02             | 03             | 02             |
| Số HSNK       | 105               | 97             | 55             | 57             | 49             | 54             | 88             | 59             | 103            | 69             |
| <b>Lớp 9</b>  |                   |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp NK     | 01                | 03             | 03             | 02             | 02             | 02             | 02             | 02             | 02             | 03             |
| Số HSNK       | 42                | 74             | 82             | 44             | 61             | 47             | 59             | 68             | 62             | 83             |
| <b>Lớp 10</b> |                   |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp NK     | 01                | 02             | 03             | 03             | 03             | 03             | 03             | 03             | 04             | 03             |
| Số HSNK       | 49                | 50             | 74             | 85             | 62             | 118            | 107            | 117            | 148            | 103            |
| <b>Lớp 11</b> |                   |                |                |                |                |                |                |                |                |                |
| Số lớp NK     | 01                | 01             | 02             | 02             | 02             | 02             | 03             | 03             | 03             | 03             |
| Số HSNK       | 29                | 27             | 76             | 59             | 37             | 63             | 99             | 76             | 92             | 98             |
| <b>Lớp 12</b> |                   |                |                |                |                |                |                |                |                |                |

|           |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
|-----------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Số lớp NK | 01  | 01  | 01  | 02  | 02  | 02  | 02  | 02  | 02  | 02  |
| Số HSNK   | 25  | 22  | 26  | 73  | 49  | 35  | 54  | 64  | 58  | 80  |
| TSHSNK    | 421 | 386 | 430 | 447 | 404 | 490 | 606 | 554 | 617 | 579 |



***Đội ngũ giáo viên và huấn luyện viên qua các năm:***

| Năm học     | BGH | Giáo viên |          |      | Trên chuẩn | Nhân viên | Đảng viên |
|-------------|-----|-----------|----------|------|------------|-----------|-----------|
|             |     | Biên chế  | Hợp đồng | Tổng |            |           |           |
| 2004 – 2005 | 02  | 22        |          |      | 00         | 16        | 03        |
| 2005 – 2006 | 02  | 21        |          |      | 00         | 16        | 03        |
| 2006 – 2007 | 02  | 31        |          |      | 00         | 16        | 03        |
| 2007 – 2008 | 03  | 32        |          |      | 00         | 16        | 07        |
| 2008 – 2009 | 03  | 53        |          |      | 01         | 19        | 04        |
| 2009 – 2010 | 03  | 61        |          |      | 02         | 20        | 04        |
| 2010 – 2011 | 04  | 69        |          |      | 05         | 23        | 05        |
| 2011 – 2012 | 04  | 76        |          |      | 07         | 20        | 07        |
| 2012 – 2013 | 04  | 79        |          |      | 07         | 20        | 11        |
| 2013 – 2014 | 04  | 83        | 04       | 87   | 08         | 24        | 15        |
| 2014 – 2015 | 04  | 80        | 06       | 86   | 08         | 24        | 18        |
| 2015 – 2016 | 04  | 84        | 09       | 93   | 11         | 22        | 19        |
| 2016 – 2017 | 04  | 88        | 11       | 99   | 18         | 22        | 21        |
| 2017 – 2018 | 03  | 94        | 12       | 106  | 21         | 21        | 23        |
| 2018 – 2019 | 04  | 96        | 06       | 102  | 27         | 21        | 23        |
| 2019 – 2020 | 03  | 99        | 03       | 102  | 21         | 25        | 25        |

**- Huấn luyện viên:**

• Tuyển dụng từ lực lượng giáo viên giáo dục thể chất tốt nghiệp Đại học TDTT, Đại học Sư phạm TDTT, Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh và có thành tích huấn luyện các bộ môn thể thao. Năm học 2012 - 2013 chính thức tách tổ Giáo dục thể chất thành Tổ Huấn luyện học sinh năng khiếu và tổ Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, nhằm hoàn chỉnh công tác huấn luyện học sinh năng khiếu TDTT.

• Bên cạnh đó, nhà trường còn hợp đồng thêm 03 huấn luyện viên gồm: 1 HLV bóng đá, 01 HLV Taekwondo, 01 HLV Vovinam.

**Thành tích huấn luyện học sinh năng khiếu qua các năm:**

| Năm học     | Tổng số<br>HC | Vàng | Bạc | Đồng |
|-------------|---------------|------|-----|------|
| 2004 – 2005 | 36            | 02   | 05  | 29   |
| 2005 – 2006 | 46            | 09   | 17  | 20   |
| 2006 – 2007 | 91            | 39   | 17  | 35   |
| 2007 – 2008 | 101           | 35   | 20  | 46   |
| 2008 – 2009 | 115           | 36   | 30  | 49   |
| 2009 – 2010 | 127           | 42   | 36  | 49   |
| 2010 – 2011 | 183           | 47   | 75  | 61   |
| 2011 – 2012 | 76            | 23   | 28  | 25   |
| 2012 – 2013 | 111           | 44   | 34  | 33   |
| 2013 – 2014 | 124           | 52   | 29  | 43   |
| 2014 – 2015 | 126           | 62   | 30  | 34   |
| 2015 – 2016 | 148           | 66   | 45  | 37   |
| 2016 – 2017 | 174           | 63   | 52  | 59   |
| 2017 – 2018 | 262           | 101  | 79  | 82   |
| 2018 – 2019 | 310           | 141  | 79  | 90   |
| 2019 – 2020 | 32            | 10   | 10  | 12   |
| 2020 - 2021 | 207           | 93   | 55  | 59   |

### KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP THPT TRONG CÁC NĂM QUA:

| NĂM HỌC     | TSHS dự thi | Số HS đậu TN | Tỉ lệ % đậu |
|-------------|-------------|--------------|-------------|
| 2006 - 2007 | 180         | 150          | 83,33       |
| 2007 - 2008 | 174         | 129          | 74,13       |
| 2008 - 2009 | 189         | 143          | 75,66       |
| 2009 - 2010 | 213         | 138          | 64,78       |
| 2010 – 2011 | 481         | 374          | 77,75       |
| 2011 - 2012 | 318         | 301          | 94,65       |
| 2012 - 2013 | 264         | 253          | 96,96       |
| 2013 - 2014 | 218         | 216          | 99,08       |
| 2014 - 2015 | 250         | 231          | 92,04       |
| 2015 - 2016 | 182         | 155          | 85,16       |
| 2016 - 2017 | 306         | 303          | 99,01       |
| 2017 - 2018 | 416         | 402          | 96,63       |
| 2018 - 2019 | 379         | 352          | 92,87       |
| 2019 - 2020 | 413         | 408          | 98,79       |

### ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM HỌC 2020 - 2021:

*Học sinh:*

| Khối             | Số lớp    | Học sinh     |            |            | Sĩ số TB HS/lớp | Số HS lưu ban | Gia đình chính sách | Gia đình khó khăn |
|------------------|-----------|--------------|------------|------------|-----------------|---------------|---------------------|-------------------|
|                  |           | T. số        | Nữ         | Dân tộc    |                 |               |                     |                   |
| 6                | 02        | 71           | 35         | 07         | 36              | 0             | 3                   | 1                 |
| 7                | 02        | 70           | 21         | 05         | 35              | 1             | 0                   | 1                 |
| 8                | 02        | 65           | 26         | 09         | 33              | 2             | 0                   | 0                 |
| 9                | 02        | 53           | 22         | 11         | 27              | 0             | 4                   | 1                 |
| <b>THCS</b>      | <b>8</b>  | <b>259</b>   | <b>104</b> | <b>32</b>  | <b>33</b>       | <b>3</b>      | <b>7</b>            | <b>3</b>          |
| 10               | 12        | 463          | 193        | 67         | 39              | 4             | 8                   | 10                |
| 11               | 11        | 441          | 177        | 51         | 41              | 3             | 7                   | 9                 |
| 12               | 10        | 447          | 181        | 70         | 45              | 2             | 9                   | 12                |
| <b>THPT</b>      | <b>33</b> | <b>1.351</b> | <b>551</b> | <b>188</b> | <b>41</b>       | <b>9</b>      | <b>24</b>           | <b>31</b>         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>41</b> | <b>1.610</b> | <b>665</b> | <b>220</b> | <b>40</b>       | <b>12</b>     | <b>31</b>           | <b>34</b>         |

**Đội ngũ giáo viên: 107 giáo viên (Biên chế: 100 và Thỉnh giảng: 7)**

| TT | Tổ bộ môn        | Giáo viên  |           | Đăng viên | Số giáo viên         |                            |                     |           |           |           |
|----|------------------|------------|-----------|-----------|----------------------|----------------------------|---------------------|-----------|-----------|-----------|
|    |                  |            |           |           | Biên chế<br>(cơ hữu) | Hợp đồng<br>thỉnh<br>giảng | Trình độ chuyên môn |           |           |           |
|    |                  | T. số      | Nữ        |           |                      |                            | >ĐH                 | ĐH        | CD        | Khác      |
| 1  | Toán             | 13         | 7         | 2         | 13                   | 0                          | 3                   | 10        | 0         | 0         |
| 2  | Văn              | 14         | 12        | 4         | 14                   | 0                          | 4                   | 10        | 0         | 0         |
| 3  | Ngoại ngữ        | 12         | 11        | 1         | 12                   | 0                          | 1                   | 11        | 0         | 0         |
| 4  | Lý               | 7          | 5         | 1         | 7                    | 0                          | 5                   | 2         | 0         | 0         |
| 5  | Hóa              | 7          | 4         | 2         | 7                    | 0                          | 2                   | 5         | 0         | 0         |
| 6  | Sinh             | 6          | 5         | 1         | 6                    | 0                          | 3                   | 3         | 0         | 0         |
| 7  | Sử               | 4          | 4         | 1         | 4                    | 0                          | 0                   | 4         | 0         | 0         |
| 8  | Địa              | 6          | 4         | 2         | 6                    | 0                          | 0                   | 6         | 0         | 0         |
| 9  | GDCD             | 3          | 1         | 0         | 3                    | 0                          | 0                   | 3         | 0         | 0         |
| 10 | Tin              | 6          | 4         | 1         | 6                    | 0                          | 1                   | 5         | 0         | 0         |
| 11 | TD - QP          | 6          | 2         | 1         | 5                    | 1                          | 0                   | 6         | 0         | 0         |
| 12 | Huấn luyện       | 16         | 6         | 5         | 13                   | 3                          | 7                   | 9         | 0         | 0         |
| 13 | Công nghệ        | 5          | 1         | 1         | 4                    | 1                          | 1                   | 4         | 0         | 0         |
| 14 | Nhạc             | 1          | 0         | 0         | 0                    | 1                          | 0                   | 1         | 0         | 0         |
| 15 | Họa              | 1          | 1         | 0         | 0                    | 1                          | 0                   | 1         | 0         | 0         |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>107</b> | <b>68</b> | <b>22</b> | <b>100</b>           | <b>7</b>                   | <b>27</b>           | <b>80</b> | <b>00</b> | <b>00</b> |

**2. Cán bộ - Nhân viên: 25 người (BGH: 3 và Nhân viên: 22)**

| TT | Bộ phận    | Số lượng |    | Đăng viên | Số nhân viên         |             |          |    |    |      |
|----|------------|----------|----|-----------|----------------------|-------------|----------|----|----|------|
|    |            |          |    |           | Biên chế<br>(cơ hữu) | Hợp<br>đồng | Trình độ |    |    |      |
|    |            | T. số    | Nữ |           |                      |             | >ĐH      | ĐH | CD | Khác |
| 1  | BGH        | 3        | 0  | 3         | 3                    | 0           | 3        | 0  | 0  | 0    |
| 2  | TLTN (TPT) | 0        | 0  | 0         | 0                    | 0           | 0        | 0  | 0  | 0    |
| 3  | Kế toán    | 1        | 0  | 1         | 1                    | 0           | 1        | 0  | 0  | 0    |
| 4  | Thủ quỹ    | 1        | 1  | 0         | 1                    | 0           | 0        | 1  | 0  | 0    |
| 5  | Thư viện   | 1        | 1  | 0         | 1                    | 0           | 0        | 1  | 0  | 0    |
| 6  | TB-THTN    | 0        | 0  | 0         | 0                    | 0           | 0        | 0  | 0  | 0    |
| 7  | VP (HV-GV) | 3        | 2  | 1         | 3                    | 0           | 0        | 3  | 0  | 0    |
| 8  | Kỹ thuật   | 0        | 0  | 0         | 0                    | 0           | 0        | 0  | 0  | 0    |

|    |                  |           |          |          |           |           |          |          |          |           |
|----|------------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|----------|-----------|
| 9  | Tin học          | 1         | 0        | 0        | 1         | 0         | 0        | 1        | 0        | 0         |
| 10 | Y tế             | 1         | 1        | 0        | 0         | 1         | 0        | 0        | 0        | 1         |
| 11 | Giám thị         | 3         | 0        | 0        | 0         | 3         | 0        | 0        | 0        | 3         |
| 12 | Bảo vệ           | 5         | 0        | 0        | 0         | 5         | 0        | 0        | 0        | 5         |
| 13 | Phục vụ          | 4         | 4        | 0        | 0         | 4         | 0        | 0        | 0        | 4         |
| 14 | Tài xế           | 1         | 0        | 0        | 0         | 1         | 0        | 0        | 0        | 1         |
| 15 | Hồ bơi           | 1         | 0        | 0        | 0         | 1         | 0        | 0        | 0        | 1         |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>25</b> | <b>9</b> | <b>5</b> | <b>10</b> | <b>15</b> | <b>4</b> | <b>6</b> | <b>0</b> | <b>15</b> |

## **II. Cơ sở vật chất:**

### ***1. Khối công trình chính khu học văn hóa (giai đoạn):***

- Khối hành chính: 4.736,85 m<sup>2</sup>
- Khối học tập và phục vụ học tập: 5.489,76 m<sup>2</sup>

Trong đó:

- 42 phòng học: (52,8 m<sup>2</sup>/phòng) 2.273,04 m<sup>2</sup>
- 3 phòng thí nghiệm (Lý, Hóa, Sinh): 283,5 m<sup>2</sup>
- 2 phòng vi tính: 166,32 m<sup>2</sup>
- 2 phòng nghe nhìn: (2)x 83,16 m<sup>2</sup>
- Thư viện: 221,6 m<sup>2</sup>
- Phòng giáo viên: 110,88 m<sup>2</sup>
- Phòng truyền thống:
- Nhà tập thể thao:
- Hội trường:

- Ngoài ra còn một số phòng ốc khác phục vụ cho việc dạy và học cùng các khuôn viên cây xanh.

### ***2. Khối công trình khu vực tập luyện, huấn luyện thể dục thể thao (giai đoạn 2):***

- Nhà điều hành quản lý: 620 m<sup>2</sup>
- Nhà tập luyện thi đấu tổng hợp: 2504,80 m<sup>2</sup>
- Hồ bơi thi đấu 20 x 50m: 2345,62 m<sup>2</sup>
- Sân bóng đá cỏ nhân tạo: 6.370 m<sup>2</sup>

- Đường chạy 100m, 400m: 2.825 m<sup>2</sup>

- Đẩy tạ:

- Nhảy xa:

- Nhảy cao:

- 2 khối nhà ký túc xá (512 chỗ) (E và F): 6.800 m<sup>2</sup>

- Ngoài ra còn các công trình khác phục vụ cho hoạt động huấn luyện thể dục thể thao, sân bãi, đường nội bộ, diện tích cây xanh, bồn cỏ,

**3. Trang thiết bị:** đính kèm biên bản kiểm kê thiết bị năm 2011

**4. Phương tiện vật chất:** 01 xe ô tô hiệu Hyundai 29 chỗ ngồi, để chuyên chở các đội tuyển học sinh đi thi đấu được cấp từ năm 2010.

**5. Chế độ, chính sách:**

- Ngoài chế độ lương theo ngân sách, giáo viên và huấn luyện viên trong biên chế nhà trường còn hưởng thêm phụ cấp giảng dạy trường chuyên là 70%, phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, tiền dạy thêm giờ theo qui định.

- Riêng huấn luyện viên và học sinh năh khiếu nhận chế độ hỗ trợ dinh dưỡng theo Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC – BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao”. Cụ thể thông tư trên:

- Chế độ dinh dưỡng đối với đội tuyển năng khiếu các cấp, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện trong nước là: 90.000 đồng/người/ngày.

- Chế độ dinh dưỡng đối với đội tuyển năng khiếu các cấp, huấn luyện viên trong thời gian tập trung thi đấu trong nước là: 150.000 đồng/người/ngày.

## **D.NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ:**

### **1. Thuận lợi:**

- Để xây dựng lực lượng giáo viên, qua nhiều năm Sở Giáo dục và Đào tạo Tp. Hồ Chí Minh đã ưu tiên cho nhà trường được tuyển dụng đội ngũ giáo viên và huấn luyện viên giảng dạy tại trường từ nguồn giáo viên tốt nghiệp loại khá, giỏi ở các trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao.

- Từ Ban giám hiệu đến các giáo viên, nhân viên nhà trường luôn có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác, cho dù ban đầu còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và chưa định hướng được mục tiêu đào tạo học sinh năng khiếu.

- Được sự ủng hộ của Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.Hồ Chí Minh về quyết tâm xây dựng mô hình mới là trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao, nhằm tiến tới nhằm mở rộng mô hình đào tạo năng khiếu thể dục thể thao tại một số trường THPT khác trong thành phố.

- Được sự hỗ trợ tích cực của Quận ủy quận 8 và Ủy ban Nhân dân Quận 8, trong việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực phường 16 và làm chủ đầu tư cho công trình xây dựng các gói thầu tiếp theo, nhằm hoàn thiện toàn bộ cơ sở vật chất cho nhà trường.

- Trong 17 năm học qua, nhà trường từng bước xây dựng quy chế cho mô hình đào tạo của mình, đội ngũ Huấn luyện viên đã cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, vừa giảng dạy vừa học tập nâng cao trình độ chuyên môn và đã tham gia huấn luyện ra nhiều lứa học sinh năng khiếu đạt thành tích cao trong phong trào thể dục thể thao thành phố, đóng góp lực lượng vận động viên có thành tích cao cho quốc gia.

## **2. Khó khăn:**

- Do đất nền trước đây là ao rạch, mặc dù đã xây dựng giai đoạn 3 nâng nền nhưng hiện nay bề mặt sân trường bị lún nhiều tạo độ chênh khá lớn với các khu chức năng làm ảnh hưởng đến chất lượng sử dụng.

- Nhằm giải quyết việc khai thác tốt cơ sở vật chất trường lớp và đáp ứng được yêu cầu phổ cập Trung học Phổ thông của địa phương, ngay từ năm học đầu tiên theo chỉ đạo của ngành giáo dục thành phố, bên cạnh việc tuyển học sinh năng khiếu thể dục thể thao, nhà trường đã tuyển thêm học sinh đăng ký theo 3 nguyện vọng vào lớp 10 (lớp thường) trong mỗi năm học. Trong 90% số học sinh này là dân cư của các quận 8, 6, Bình Tân, đa số các em thuộc thành phần lao động nghèo, cha mẹ chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập và rèn luyện của con em mình, với điểm đầu vào thấp nên kết quả học tập và rèn luyện đạo đức còn nhiều hạn chế.

- Thời gian vừa qua, hàng năm nhà trường đều có tuyển sinh đều đặn học sinh năng khiếu thể dục thể thao, tuy nhiên số lượng năng khiếu chưa tương xứng với mục

tiêu đào tạo. Học sinh có năng khiếu riêng các bộ môn thể thao tương đối tốt, nhưng trình độ văn hóa đầu vào đa số ở mức trung bình. Việc rèn luyện nhân cách, đạo đức định hướng tham gia các hoạt động thể thao chuyên nghiệp sau này chưa được đầu tư đúng mức. Một số phụ huynh học sinh năng khiếu còn thiếu sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình.

### **3. Thách thức:**

- Để có được những học sinh năng khiếu thể dục thể thao vừa có năng lực chuyên môn tốt, vừa có kiến thức văn hóa phổ thông đạt chuẩn, đòi hỏi việc huấn luyện thể thao và giảng dạy văn hóa phải được tổ chức khoa học và bài bản.

- Để nâng điểm tuyển đầu vào cho nhà trường và nâng cao uy tín cho công tác tuyển sinh, giáo dục và đào tạo học sinh năng khiếu sau này cần phải quyết tâm trong việc nâng tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông trong từng năm cho học sinh toàn trường.

- Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng công năng cơ sở hạ tầng khu vực tập luyện, huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao đa năng phải thật hiệu quả, mới sớm nâng cao được chất lượng huấn luyện và đào tạo.



**PHẦN THỨ BA**  
**KẾ HOẠCH**  
**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG**  
**GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

**A. MỤC TIÊU:**

- Xây dựng thành công mô hình trường chuyên biệt mới là **Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao** (mô hình đào tạo *THPT chuyên năng khiếu thể dục, thể thao đầu tiên trong hệ thống các trường chuyên biệt ở nước ta*)

- Mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường hướng đến việc đào tạo cả 2 đối tượng: học sinh năng khiếu thể dục thể thao và học sinh phổ thông.

- Thực hiện chương trình đào tạo, huấn luyện học sinh năng khiếu thể dục, thể thao theo độ tuổi từ lớp 6 đến lớp 12, nhằm từ thể thao học đường cung cấp nguồn nhân lực thể dục thể thao cho ngành giáo dục, cho thành phố và cho cả nước.

- Tiên tiến xây dựng mô hình đào tạo khép kín: Tuyển chọn – huấn luyện – tập luyện – thi đấu – học văn hóa – rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống – sinh hoạt tập thể - nội trú.

- Qua công tác giáo dục, đào tạo và huấn luyện sẽ tăng cường trang bị kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lối sống tốt cho học sinh, nhằm tạo nguồn nhân lực trong tương lai sẽ cung cấp cho thành phố và quốc gia những thể hệ vận động viên chuyên nghiệp, những huấn luyện viên tài năng và những giáo viên giáo dục thể chất có năng lực, với tư duy sáng tạo và tính trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

- Xây dựng và tuyển chọn thêm lực lượng huấn luyện viên các bộ môn năng khiếu thể dục thể thao giỏi nghề, vững vàng về chuyên môn, trong sáng về nhân cách, luôn có trách nhiệm và nghệ thuật trong công tác huấn luyện, giảng dạy.

- Tổ chức tốt đội ngũ giáo viên phổ thông có trình độ chuyên môn sâu, yêu nghề, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo và luôn hiểu rõ tâm lý và trình độ học sinh.

**B. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC:**

**1. Chuyên môn văn hóa:**

### Đội ngũ cán bộ, giáo viên

| Mục tiêu                   | NH<br>2020-2021                                           | NH<br>2021-2022                                           | NH<br>2022-2023                                           | NH<br>2023-2024                                           | NH<br>2024-2025                                           |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Trình độ chuẩn nghề nghiệp | 100% xếp loại Khá trở lên                                 | 100% xếp loại Khá trở lên                                 | 100% xếp loại Khá trở lên                                 | 100% xếp loại Khá trở lên                                 | 100% xếp loại Khá trở lên                                 |
| Trình độ trên chuẩn        | 30% đạt trình độ trên chuẩn                               | 31% đạt trình độ trên chuẩn                               | 32% đạt trình độ trên chuẩn                               | 33% đạt trình độ trên chuẩn                               | 34% đạt trình độ trên chuẩn                               |
| Trình độ tin học           | 100% đạt trình độ UDCNTT cơ bản trở lên hoặc tương đương  | 100% đạt trình độ UDCNTT cơ bản trở lên hoặc tương đương  | 100% đạt trình độ UDCNTT cơ bản trở lên hoặc tương đương  | 100% đạt trình độ UDCNTT cơ bản trở lên hoặc tương đương  | 100% đạt trình độ UDCNTT cơ bản trở lên hoặc tương đương  |
| Trình độ ngoại ngữ         | 90% đạt trình độ Anh văn tương đương chứng chỉ A2 trở lên | 91% đạt trình độ Anh văn tương đương chứng chỉ A2 trở lên | 92% đạt trình độ Anh văn tương đương chứng chỉ A2 trở lên | 93% đạt trình độ Anh văn tương đương chứng chỉ A2 trở lên | 94% đạt trình độ Anh văn tương đương chứng chỉ A2 trở lên |

### Các hoạt động chuyên môn.

| Mục tiêu                           | NH<br>2020-2021       | NH<br>2021-2022               | NH<br>2022-2023               | NH<br>2023-2024               | NH<br>2024-2025                    |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|
| Thư viện                           | Tiến tiến             | Tiến tiến                     | Tiến tiến                     | Tiến tiến                     | Tiến tiến                          |
| Thiết bị - THTN                    | Tốt                   | Tốt                           | Tốt                           | Tốt                           | Tốt                                |
| Học vụ                             | Tốt                   | Tốt                           | Tốt                           | Tốt                           | Tốt                                |
| HSG K12                            | 5 giải III            | 5 giải trong đó có giải I     | 6 giải trong đó có giải I     | 6 giải trong đó có giải I     | 6 giải trong đó có giải I          |
| Olympic tháng 4 TPHCM K10-K11      | 6 huy chương (có HCV) | 7 huy chương (có HCV)         | 7 huy chương (có HCV)         | 8 huy chương (có HCV)         | 8 huy chương (có HCV)              |
| Hội thi HS NCKHKT cấp thành phố    | Có đề tài tham dự     | Có đề tài tham dự và đạt giải | Có đề tài tham dự và đạt giải | Có đề tài tham dự và đạt giải | Có đề tài tham dự và đạt giải      |
| Hội thi Tên lửa nước cấp thành phố | Giải II               | Nằm trong 3 hạng đầu          | Nằm trong 3 hạng đầu          | Nằm trong 3 hạng đầu          | Nằm trong 3 hạng đầu               |
| GV Giỏi                            |                       |                               | Có GV tham gia hội thi GV     |                               | Có GV tham gia hội thi GV Giỏi cấp |

|                      |              |              |                                          |              |                                 |
|----------------------|--------------|--------------|------------------------------------------|--------------|---------------------------------|
|                      |              |              | Giỏi cấp trường, cấp quận, cấp thành phố |              | trường, cấp quận, cấp thành phố |
| Kiểm định chất lượng | Đạt mức độ 1 | Đạt mức độ 1 | Đạt mức độ 1                             | Đạt mức độ 1 | Đạt mức độ 1                    |

### Học sinh

| Mục tiêu            | NH 2020-2021 | NH 2021-2022 | NH 2022-2023 | NH 2023-2024 | NH 2024-2025 |
|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Lên lớp thẳng       | 97%          | 97,5%        | 98%          | 98,5%        | 99%          |
| Thi lại             | 3%           | 2,5%         | 2%           | 1,5%         | 1%           |
| Lên lớp sau thi lại | 98%          | 98,5%        | 99%          | 99,5%        | 100%         |
| Lưu ban             | 2%           | 1,5%         | 1%           | 0,5%         | 0%           |
| Xếp loại học lực    |              |              |              |              |              |
| Giỏi + Khá          | 70%          | 71%          | 71,5%        | 72%          | 72,5%        |
| Trung bình          | 28%          | 27,5%        | 27,5%        | 27,5%        | 27,5%        |
| Yếu, Kém            | 2%           | 1,5%         | 1%           | 0,5%         | 0%           |
| Xếp loại hạnh kiểm  |              |              |              |              |              |
| Tốt + Khá           | 97%          | 97,5%        | 98%          | 98,5%        | 99%          |
| Trung bình + Yếu    | 3%           | 2,5%         | 2%           | 1,5%         | 1%           |
| Công nhận TN THCS   | 100%         | 100%         | 100%         | 100%         | 100%         |
| Đậu TN THPT         | 98,5%        | 99%          | 99,5%        | 100%         | 100%         |
| Đậu thi nghề PT     | 80%          | 85%          | 90%          | 95%          | 100%         |

Phân đầu đạt được các mục tiêu sau:

- Chất lượng giáo dục được khẳng định trong quận 08 và trong thành phố, phân đầu đứng vào vị trí một trong ba trường THPT có chất lượng giáo dục cao nhất quận 8 TPHCM. Nhà trường luôn đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, bằng khen UBND thành phố.
- Duy trì công tác kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 1 và phân đầu được công nhận đạt cấp độ 2.
- Có quy mô học sinh và số lớp ổn định; thực hiện tốt công tác duy trì, đảm bảo sĩ số.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt, có tâm huyết với nghề, yêu trường, yêu lớp và đáp ứng được yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên tất cả các mặt Đức - Trí - Thể - Mỹ; chú trọng giáo dục các giá trị trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, nhạy bén, thích nghi với mọi hoàn cảnh; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

- Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, có cơ sở vật chất đầy đủ để đáp ứng nhu cầu dạy và học; tạo lập mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

## **2. Huấn luyện học sinh năng khiếu:**

### **Năm học 2021 – 2022:**

- Tổng kết công tác tuyển sinh học sinh năng khiếu thể dục thể thao trong thời gian qua, từ hoạt động xét tuyển học sinh đến công tác tổ chức lớp học năng khiếu.

- Rút kinh nghiệm từ các kết quả giảng dạy học sinh phổ thông, huấn luyện học sinh năng khiếu sau 16 năm thành lập trường.

- Học sinh chuyên năng khiếu thể dục thể thao nhà trường là nguồn cung ứng ổn định về mặt số lượng và chất lượng cho lực lượng vận động viên, huấn luyện viên ngành thể dục thể thao thành phố.

- Củng cố đội ngũ huấn luyện viên chuyên nghiệp, thường xuyên nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong lực lượng giáo viên thể chất, huấn luyện viên thể thao nhà trường, nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, huấn luyện nâng cao thành tích trong thi đấu của học sinh.

- Xây dựng định hướng chiến lược phát triển nhà trường từ năm 2021 đến 2025.

- Chăm lo cho HSNK ở nội trú tốt hơn về ăn ở và điều kiện học tập.

- Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh học sinh phổ thông khối 10 của trường năm học mới.

### **Năm học 2022 – 2023:**

- Điều chỉnh chương trình, kế hoạch giảng dạy và thời khóa biểu các môn văn hóa cho học sinh năng khiếu thể dục thể thao vừa phù hợp với cường độ tập luyện, tâm sinh lý các em, đồng thời bảo đảm chất lượng học tập theo chương trình phổ thông ở từng cấp lớp.

- Tiến tới cử các đoàn vận động viên của nhà trường tham gia ngày càng nhiều các giải thi đấu trong nước và quốc tế. Nâng số lượng huy chương và thành tích thi đấu ngày càng cao qua từng bộ môn, từng giải đấu trong từng năm học.

- Tạo dấu ấn cho thể thao học đường thông qua việc cung cấp được nguồn vận động viên có trình độ chuyên môn vững vàng, chuyên nghiệp, tự tin, linh hoạt, sáng tạo và trong sáng về đạo đức.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng nhà trường thành trung tâm thể dục thể thao của thành phố, với các hoạt động đào tạo học sinh năng khiếu, tổ chức thi đấu, tổ chức các chương trình huấn luyện kỹ năng sống, các hoạt động lễ hội của ngành giáo dục, đào tạo thành phố, ...

- Quyết tâm phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu năm học. Đạt tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông cao hơn năm học trước.

- Phấn đấu tăng số lượng và chất lượng huy chương thể dục thể thao của học sinh đạt được trong Hội khỏe Phù Đồng cấp thành phố, cấp quốc gia.

- Hoàn thành kế hoạch năm học.

- Lên kế hoạch tuyển sinh học sinh năng khiếu thể dục thể thao năm học 2023 – 2024 cho 2 khối lớp 6 và 10.

#### **Năm học 2023 – 2024:**

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất khu tập luyện và thi đấu thể thao đa năng cho công tác huấn luyện học sinh năng khiếu theo từng bộ môn thể thao. Tập trung hoàn thiện công tác quản lý toàn bộ khu vực 2.

- Tổ chức công tác tuyển sinh học sinh năng khiếu thể dục thể thao đầu vào cho 2 khối lớp 6 và 10 theo qui trình

- Tổ chức tuyển và mời thêm huấn luyện viên chuyên nghiệp và có đẳng cấp ở các bộ môn bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bơi lội, võ thuật về tham gia giảng dạy và huấn luyện tại trường.

- Quyết tâm phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu năm học.
- Hoàn thành kế hoạch năm học.
- Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh học sinh phổ thông khối 10 của trường năm học mới.

- Lên kế hoạch tuyển sinh học sinh năng khiếu thể dục thể thao năm học 2014 – 2015 cho 2 khối lớp 6 và 10.

#### **Năm học 2024 – 2025:**

- Tăng cường sử dụng hết công suất cơ sở vật chất nhà trường cho công tác dạy học phổ thông và công tác huấn luyện học sinh năng khiếu thể dục thể thao.

- Tổ chức công tác tuyển sinh học sinh năng khiếu thể dục thể thao đầu vào cho 2 khối lớp 6 và 10 theo qui trình (dự kiến hoàn thiện công tác tuyển sinh và tổ chức ăn ở cho học sinh năng khiếu thể dục thể thao ở các tỉnh, thành ngoài thành phố Hồ Chí Minh).

- Xây dựng hoàn chỉnh mô hình Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao với quy mô số lượng học sinh chuyên năng khiếu đạt tỷ lệ từ 50 đến 70% học sinh toàn trường, hướng tới việc xây dựng nhà trường thành trung tâm đào tạo nguồn vận động viên thể dục thể thao đỉnh cao.

- Quyết tâm nâng cao số lượng học sinh đạt thành tích trong thi đấu thể dục, thể thao các cấp. *Tăng số lượng học sinh năng khiếu tham gia thi đấu ở các giải lớn trong và ngoài nước.*

- *Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường từ năm 2025 đến 2030*

- Quyết tâm phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu năm học.
- Hoàn thành kế hoạch năm học.
- Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh học sinh phổ thông khối 10 của trường năm học mới.

### **C. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO ĐỂ THỰC HIỆN:**

#### **1. Đội ngũ:**

- Trên cơ sở lực lượng giáo viên hiện tại, nhà trường sẽ tuyển dụng thêm lực lượng giáo viên cơ hữu có trình độ chuẩn và trên chuẩn, bảo đảm đủ giáo viên giảng dạy văn hóa cho tất cả các khối lớp.

- Ngoài lực lượng huấn luyện viên từ giáo viên giáo dục thể chất có biên chế của trường đưa đi đào tạo chuyên môn công tác huấn luyện, nhà trường sẽ mời thêm huấn luyện viên chuyên nghiệp, có đẳng cấp tham gia giảng dạy ở một số bộ môn như bóng rổ, quần vợt, bơi lội, taekwondo,

## **2. Cơ sở vật chất:**

- Trên cơ sở hạ tầng đã được xây dựng và đưa vào sử dụng 2 khu vực: khu vực học tập văn hóa và khu vực tập luyện, huấn luyện thể dục thể thao.

- Đề xuất sửa chữa nâng cấp một số khu vực phục vụ cho công tác giảng dạy văn hóa và huấn luyện TDTT

- Sử dụng ngày càng hiệu quả công năng cơ sở vật chất, hạ tầng như khu ký túc xá, nhà thi đấu đa năng, hồ bơi ...

## **3. Trang thiết bị:**

- Bên cạnh các thiết bị hiện có, nhà trường tiếp tục trang bị thêm đồ dùng dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 bổ sung cho các thiết bị hư, cũ hàng năm.

- Sắp xếp các thiết bị chuyên dụng cho công tác huấn luyện học sinh năng khiếu các môn thể thao.

- Đề xuất Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Tài chính xét duyệt kinh phí trang bị thêm dụng cụ tập luyện theo tiêu chuẩn mỗi năm.

## **4. Tài chính:**

- Từ nguồn ngân sách được phân bổ theo từng năm, sử dụng đúng mục đích phục vụ cho cả hoạt động giảng dạy văn hóa và huấn luyện học sinh năng khiếu thể dục thể thao.

- Từ nguồn xã hội hóa, liên kết khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở tập luyện thể dục, thể thao. Vừa tạo điều kiện cho học sinh toàn trường thụ hưởng cơ sở huấn luyện thể dục thể thao hiện đại vừa khai thác triệt để công năng cơ sở vật chất nhằm hỗ trợ nguồn phúc lợi và phục vụ lại các hoạt động chung của nhà trường.

## **5. Chế độ chính sách:**

- Bên cạnh nguồn lương theo ngân sách, giáo viên biên chế nhà trường tiếp tục hưởng thêm phụ cấp giảng dạy trường chuyên là 70%, phụ cấp thâm niên, tiền dạy thêm giờ theo qui định.

- Hiện nay Huấn luyện viên và học sinh năng khiếu từ năm học 2012 – 2013 nhận chế độ dinh dưỡng **theo Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC – BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011** về “Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao” thay thế Thông tư liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC – BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2008 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao”. Đề nghị thực hiện theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 về ban hành quy định và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên của Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Chế độ dinh dưỡng đối với đội tuyển năng khiếu các cấp, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện trong nước là: 130.000 đồng/người/ngày.

- Chế độ dinh dưỡng đối với đội tuyển năng khiếu các cấp, huấn luyện viên trong thời gian tập trung thi đấu trong nước là: 220.000 đồng/người/ngày.



## **PHẦN THỨ TƯ**

### **NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC**

Để thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường, các giải pháp được đề ra phải tập trung vào công tác quản lý, tổ chức nguồn nhân lực cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Đồng thời công tác quản lý, sử dụng công năng cơ sở vật chất nhà trường và nguồn tài chính được phân bổ phải được thực hiện thật hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực cho công tác giáo dục và đào tạo học sinh của nhà trường.

#### **A. TĂNG CƯỜNG NGUỒN NHÂN LỰC**

***1. Xây dựng lực lượng cán bộ quản lý có năng lực và tinh thần trách nhiệm cao:***

##### **Ban Giám hiệu:**

- Có 4 thành viên, 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng. Trong đó, ngoài Hiệu trưởng phụ trách chung, phân công một phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn công tác huấn luyện thể dục thể thao, một phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn văn hóa và học sinh vụ và một phó hiệu trưởng phụ trách đoàn thể và cơ sở vật chất.

- Thường xuyên củng cố và tăng cường năng lực quản lý nhà trường thông qua việc tự học nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ quản lý.

- Từng cán bộ quản lý nắm vững được kế hoạch chiến lược và mục tiêu phát triển giáo dục của nhà trường. Cùng tham gia định hướng con đường nhằm đạt được những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển đã đề ra.

- Luôn nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu, nắm bắt tốt công việc, nhất là với công tác quản lý giáo dục, huấn luyện học sinh năng khiếu thể dục thể thao.

- Phân công phân nhiệm rõ ràng, từng cá nhân chịu trách nhiệm và hoàn thành tốt công tác được giao. Thông qua việc tổ chức xây dựng môi trường sư phạm và cơ cấu nhà trường hiệu quả, thực hiện tốt việc sắp đặt cơ cấu tổ chức và đề ra những quy định hợp lý hỗ trợ giáo viên, nhân viên và học sinh trong công tác dạy và học.

- Xây dựng thời gian biểu khoa học, sử dụng hiệu quả cho công tác quản lý các hoạt động dạy và học, quản lý các nguồn lực về cơ sở vật chất trong nhà trường.

- Luôn nghiên cứu, tìm kiếm, chọn lọc các phương pháp dạy học mới, để giới thiệu đến giáo viên, nhằm cải thiện kết quả giảng dạy và tình hình học tập, cải thiện tỷ lệ lên lớp, tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Thường xuyên tiếp cận với giáo viên, nhân viên và học sinh. Lắng nghe, nắm bắt những thông tin phản hồi, giải quyết triệt để những vấn đề liên quan đến nguyện vọng chính đáng của các thành viên trong nhà trường.

- Ban giám hiệu phải là những nhà sư phạm mẫu mực, có đạo đức và lối sống tốt, có tinh thần đoàn kết vì sự phát triển chung của toàn đơn vị.

### **Các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn:**

- Các tổ trưởng, tổ phó các bộ môn Toán, Vật Lý, Hóa học – Sinh học, Tin học – Công nghệ, Ngữ văn, Lịch sử – GDCD, Địa Lý, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, Huấn luyện HSNK và tổ trưởng, phó tổ hành chính, được tuyển chọn và bổ nhiệm theo từng năm học.

- Từng tổ trưởng chuyên môn là người phải chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng giảng dạy và lao động sư phạm của giáo viên trong phạm vi các môn học của tổ chuyên môn được phân công đảm trách, với sự hỗ trợ và giúp việc của các tổ phó.

- Các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn phải có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín đối với đồng nghiệp và học sinh, có tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Ngoài ra, họ là những người có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm tổ chức, kiểm tra và đánh giá các hoạt động chuyên môn, đặc biệt đây là những người có khả năng tập hợp các giáo viên trong tổ, biết lắng nghe, khéo léo trong ứng xử và là hạt nhân đoàn kết trong tổ bộ môn.

- Trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động chung, hay kế hoạch cụ thể của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và cả năm học, tổ trưởng cần rút kinh nghiệm tuần trước, tháng trước, học kỳ trước, năm học trước một cách kỹ càng, nhằm có một kế hoạch chuyên môn theo từng thời điểm hợp lý và khả thi.

- Mạnh dạn tư vấn, kiến nghị và đề xuất với Hiệu trưởng những vấn đề về chuyên môn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc dạy và học các môn học mà mình phụ trách.

- Triển khai và điều hành nội dung các buổi họp tổ phải rõ ràng, tập trung vào việc trao đổi phương pháp giảng dạy hiệu quả, nhất là phương pháp dạy đối với những lớp có nhiều học sinh yếu, kém.

**Phân công tổ trưởng, nhóm trưởng các bộ phận trong nhà trường:**

- Trong lựa chọn tổ trưởng, nhóm trưởng các đơn vị phòng ban, ngoài việc dựa vào năng lực chuyên môn, các cán bộ này phải là những người có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, luôn chấp hành sự phân công và chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường.

- Khi thực hiện công việc phải có bài bản, không làm việc qua loa, tiến hành công việc phải theo qui chế và hoàn tất đúng thời gian quy định.

- Phải luôn có tinh thần đoàn kết tốt và hết lòng vì sự nghiệp giáo dục.

**Xây dựng đội ngũ giáo viên phổ thông ngày càng vững tay nghề:**

- Xác định vai trò người thầy giáo, cô giáo khi tham gia công tác giáo dục, đào tạo học sinh năng khiếu thể dục thể thao trong nhà trường trung học phổ thông, thông qua việc xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường, kế hoạch giảng dạy của từng tổ bộ môn và phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng đối tượng học sinh.

- Từng giáo viên trong nhà trường luôn sẵn sàng nhận sự phân công giảng dạy các khối lớp, các đối tượng là học sinh phổ thông hay học sinh năng khiếu thể dục thể thao. Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, phát huy tối đa năng lực quản lý lớp.

- Ngoài việc tự học, tự rèn luyện nâng cao tay nghề, nhà trường luôn tạo điều kiện cho nhiều thầy, cô đăng ký và tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn, nhằm xây dựng lực lượng giáo viên vượt chuẩn ngày càng nhiều, phục vụ cho việc phát triển nhà trường.

- Theo kế hoạch của tổ bộ môn và theo phân công của nhà trường, giáo viên phải biên soạn giáo án, biên soạn hệ thống bài tập và tìm ra phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng lớp, từng đối tượng học sinh. Hướng tới dạy học cá thể nâng dần chất lượng học sinh có sức học trung bình, yếu kém.

- Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn thường xuyên phối hợp chặt chẽ với huấn luyện viên các bộ môn thể thao trong nhà trường, để cùng giáo dục và đào

tạo được nhiều thể học sinh năng khiếu thể dục thể thao vừa đạt thành tích cao trong chuyên môn vừa có sức bật tốt trong học tập văn hóa.

**Xây dựng đội ngũ huấn luyện viên giỏi nghề và ngày càng chuyên nghiệp:**

- Tiến hành ngay việc củng cố Hội đồng huấn luyện học sinh năng khiếu thể dục thể thao. Xây dựng chương trình giảng dạy năng khiếu theo bộ môn, theo lứa tuổi mang tính khoa học, hiện đại và được cập nhật thường xuyên.

- Việc tách tổ huấn luyện học sinh năng khiếu thể dục thể thao ra khỏi tổ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, để định hướng rõ ràng vai trò, nhiệm vụ của huấn luyện viên và giáo viên thể chất có biên chế nhà trường trong qui trình đào tạo. Đồng thời qua đó đề xuất chế độ lương, thưởng ổn định cho lực lượng huấn luyện viên có biên chế của trường.

- Luân lượt cử huấn luyện viên tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao trình độ, tay nghề.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch huấn luyện, làm cơ sở cho huấn luyện viên lập giáo án huấn luyện cho từng bộ môn hàng năm. Thực hiện các bước lên lớp, kiểm tra chuyên môn HSNK dần theo khung thời gian qui định từng đợt tập luyện, thi đấu.

**Tuyển chọn và mời các huấn luyện viên chuyên nghiệp, có đẳng cấp**

- Về tham gia giảng dạy tại trường, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của học sinh năng khiếu thể dục thể thao.

- Xây dựng chế độ lương bổng hợp lý nhằm tạo mối quan hệ lâu dài và giữ chân lực lượng huấn luyện viên thỉnh giảng có trình độ chuyên cao.

**B. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG HỌC SINH:**

**1. Học sinh năng khiếu thể dục thể thao:**

- Thông qua việc mở rộng địa bàn xét tuyển ra tất cả các quận, huyện trong thành phố, nhà trường sẽ đến từng trường tiểu học, trường trung học cơ sở giới thiệu mô hình tổ chức dạy học, huấn luyện và các quyền lợi cho học sinh năng khiếu được hưởng khi tham gia học tập tại nhà trường.

- Để tuyển chọn học sinh năng khiếu thể dục thể thao, ngoài việc thực hiện quy chế hiện hành, cần chú trọng đến yếu tố tố chất, thể lực và sự phát triển năng khiếu lâu dài của từng học sinh. Vì vậy, trong khâu tuyển chọn để có được những học sinh

năng khiếu đạt chất lượng tốt nhất, thì việc thành lập một hội đồng chuyên môn thẩm định phải được tiến hành công khai, minh bạch và qua đó mời các chuyên gia có uy tín trong ngành thể dục, thể thao, các chuyên viên bộ môn giáo dục thể chất của Sở Giáo dục – Đào tạo thành phố tham gia hội đồng này.

- Để việc tuyển học sinh năng khiếu thể dục thể thao đảm bảo cả về chất và lượng, thì khâu quảng bá, chiêu sinh phải được chuẩn bị chu đáo, tiến hành đồng bộ và kịp thời. Vào tháng 4 hàng năm, nhà trường sẽ in ấn tài liệu giới thiệu về trường, trong đó có nêu kế hoạch tuyển sinh học sinh năng khiếu thể dục thể thao, các môn năng khiếu thể thao, đội ngũ huấn luyện viên, thành tích thể dục thể thao của nhà trường qua các năm,... Sau đó tổ chức các đoàn công tác đến các phòng giáo dục các quận, huyện giới thiệu kế hoạch tuyển sinh và đề nghị được đến một số trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn quận, huyện để trực tiếp giới thiệu hoặc sơ tuyển học sinh năng khiếu khi có điều kiện.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh học sinh năng khiếu với cơ cấu gồm Ban Giám hiệu nhà trường, chuyên viên giáo dục thể chất Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố, bộ phận thư ký, huấn luyện viên của trường.

- Sau khi công bố kết quả, Hội đồng huấn luyện nhanh chóng triệu tập học sinh 2 khối lớp 6 và 10 vào để tổ chức tập luyện, phân môn và chia lớp trong tháng 7.

- Với học sinh năng khiếu khối lớp 6, sẽ được tổ chức học tập và huấn luyện theo chương trình chung để tăng cường thể lực, phát hiện tố chất phù hợp với từng môn thể thao trong một học kỳ. Sau đó tuyển chọn để huấn luyện theo bộ môn năng khiếu thể thao.

- Học sinh lớp 10, được xếp ngay vào bộ môn năng khiếu các môn

- Xếp lớp học văn hoá cho học sinh năng khiếu thể dục thể thao với sĩ số bình quân từ 25 – 35 học sinh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc dạy học và giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho các em.

- Xây dựng kế hoạch dạy học văn hoá phù hợp cho học sinh năng khiếu thể dục thể thao, bằng việc phân công các tổ bộ môn văn hóa biên soạn tài liệu học tập, hệ thống bài tập phù hợp cho đối tượng học sinh năng khiếu. Vừa bảo đảm cho các em

đạt được kết quả cao trong các kỳ thi tốt nghiệp phổ thông theo từng cấp, đồng thời vừa đạt được kết quả huấn luyện, nâng cao thành tích cá nhân.

- Học sinh năng khiếu thể dục thể thao qua từng năm học bên cạnh việc nâng cao thành tích năng khiếu chuyên môn của mình, phải phấn đấu thật tốt trong học tập văn hóa. Kết quả xếp loại văn hóa sau mỗi học kỳ, HSNK phải đạt **học lực từ loại trung bình trở lên, hạnh kiểm từ loại khá trở lên**. Nếu không đạt mức trên, HSNK phải chuyển ra học lớp thường, và muốn trở lại lớp năng khiếu học sinh phải phấn đấu ở học kỳ tiếp theo đạt xếp loại văn hóa theo qui định trên, mới được làm hồ sơ ra Hội đồng huấn luyện xét trở lại lớp năng khiếu.

- Trong quá trình học tập văn hóa và huấn luyện năng khiếu thể dục thể thao ở từng cấp THCS và THPT, nhà trường sẽ tổ chức các hoạt động huấn luyện kỹ năng sống được lồng ghép thường xuyên trong và ngoài nhà trường. Việc huấn luyện này sẽ được biên soạn thật khoa học với các chương trình hoạt động kỹ năng sống theo cấp lớp, theo độ tuổi phù hợp với chương trình giáo dục công dân, tâm lý lứa tuổi và nhất là sẽ giúp nâng cao ý thức tập thể, tính đồng đội và sự tự tin cho từng cá nhân học sinh năng khiếu.

## **2. Học sinh phổ thông**

- Học sinh phổ thông của trường với 2 cấp học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, được tổ chức học tập theo qui chế 2 buổi/ngày.

- Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đầu vào học sinh Trung học phổ thông theo kế hoạch tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM. Học sinh được tuyển hàng năm vào trường đăng ký theo 3 nguyện vọng và điểm tuyển sinh vào lớp 10, sau kỳ thi tuyển sinh 10 do Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM tổ chức.

- Học sinh khối 10 trúng tuyển nguyện vọng vào trường sẽ học tập ở các lớp văn hóa và được tổ chức giảng dạy theo đúng điều lệ của trường trung học phổ thông.

- Phấn đấu nâng dần điểm tuyển đầu vào của học sinh lớp 10 và tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt bằng hoặc cao hơn tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông của thành phố.

- Nâng dần chất lượng giảng dạy, đặc biệt là giảm dần tỷ lệ học sinh yếu, kém. Hạn chế tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học trong toàn trường.

- Xây dựng lực lượng học sinh giỏi một số môn văn hóa, tạo điều kiện cho các em tham gia các kỳ thi học sinh giỏi các cấp.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao trình độ, năng lực và rèn luyện kỹ năng sống của học sinh, giúp các em có ý thức trách nhiệm với bản thân, với gia đình và cộng đồng.

- Tạo điều kiện cho học sinh phổ thông được thụ hưởng các cơ sở vật chất thể dục thể thao như sân bóng, nhà thi đấu, hồ bơi thông qua các môn thể thao tự chọn, từ đó phát hiện những học sinh có tố chất tốt, bổ xung cho đội ngũ học sinh năng khiếu thể dục thể thao.

- Xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong học sinh vững mạnh, phát huy tốt vai trò người thanh niên có bản lĩnh chính trị và ý chí trong học tập và trong rèn luyện đạo đức.

### **C. CẢI TẠO, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Trường Trung học Phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định khi tiếp nhận cơ sở trường lớp từ giai đoạn 1 (năm 2004), nhà trường đã sử dụng khá hiệu quả các phương tiện phục vụ cho công tác giảng dạy các bộ môn văn hóa, đáp ứng được nhu cầu dạy và học trong nhà trường. Đồng thời dựa trên sân bãi hiện có, dù chưa đúng chuẩn vẫn được giáo viên, huấn luyện viên tổ chức giảng dạy học sinh năng khiếu thể dục thể thao đạt nhiều thành tích cao trong những năm qua. Để tiếp tục khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất trên, nhà trường cần tiến hành:

Trên cơ sở hạ tầng đã được xây dựng và đưa vào sử dụng 2 khu vực: khu vực học tập văn hóa và khu vực tập luyện, huấn luyện thể dục thể thao đa năng, việc xây dựng, cải tạo và sửa chữa các công trình trong nhà trường như sau:

- Trang bị lại toàn bộ hệ thống phòng cháy chữa cháy đã xuống cấp khu ký túc xá.

- Xây dựng nhà ăn phục vụ học sinh bán trú và nội trú.

- Mở rộng nhà xe giáo viên

- Sửa chữa phần hành lang bị sụt lún gần phòng y tế

- Cải tạo nhà thi đấu đa năng
- Cải tạo nhà vệ sinh khu TĐTT
- Xây lắp mái che hồ bơi.
- Cải tạo sửa chữa 2 ký túc xá
- Cải tạo sơn sửa lớp học, phòng chức năng.



Trong thực tế, để xây dựng một kế hoạch phát triển chiến lược mang tính tổng thể, dài hơi và khả thi đối với công tác quản lý một trường trung học phổ thông theo quy chế hiện hành cùng với những vấn đề mới nảy sinh trong từng năm học, đã là những thách thức lớn cho người quản lý.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường (Kế hoạch hoạt động tổng thể từ năm 2021 – 2025) của trường Trung học Phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định được xây dựng trong bối cảnh rất cần thiết để hoàn thiện một mô hình mới, với mục tiêu riêng, trên cơ sở một trường trung học phổ thông chuyên, có nhiều cấp học và đào tạo cả hai đối tượng học sinh phổ thông, học sinh năng khiếu thể dục thể thao.

Chính vì vậy, việc biên soạn kế hoạch này, tuy có dựa vào tình hình thực tế của các năm học trước của trường, cùng với việc tham quan nhiều đơn vị nhà trường phổ thông, tìm hiểu nhiều tài liệu liên quan trong và ngoài nước, chúng tôi

hiểu rằng mình còn chủ quan rất nhiều trong việc xây dựng kế hoạch, còn có những thiếu sót lớn cần khắc phục, những luận cứ khoa học cần điều chỉnh và nhất là những đề nghị từ nguồn lực thực tế mà ngành giáo dục và đào tạo, các đơn vị cơ quan, ban ngành trong thành phố, Ủy ban nhân dân quận 8 và đặc biệt Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong việc tiếp tục đầu tư để hướng tới tạo được nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, trong sáng và có định hướng tốt cho hoạt động thể dục thể thao của thành phố trong tương lai.

Chúng tôi xin đón nhận tất cả những ý kiến đóng góp của Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố, các cơ quan hữu quan, các bạn đồng nghiệp nhằm sớm hoàn thành việc xây dựng một kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường hoàn thiện, hiệu quả và hợp lý nhất.

**HIỆU TRƯỞNG**

## PHỤ LỤC

1. Quyết định số 32/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao trong giáo dục phổ thông.

2. Quyết định số: 109/2004/QĐ-UB, ngày 21 tháng 4 năm 2004, của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Quyết định số: 156/2004/GDĐT-TC, ngày 09 tháng 9 năm 2004, của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định.

4. Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

5. Công văn số 498/GDĐT-KHTC ngày 16 tháng 03 năm 2011 về báo cáo hoạt động của trường THPT chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Báo cáo tình hình hoạt động hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục Thể thao Nguyễn Thị Định, ngày 19 tháng 03 năm 2011.

7. Thông báo số 217/TB-VP ngày 08 tháng 4 năm 2011 kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hứa Ngọc Thuận về dự án xây dựng Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định.

8. Thông tư liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC – BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2008 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao”.

9. Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC – BVHTTDL ngày 7 tháng 11 năm 2011 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao”.

10. Thông báo số 07/TB-NTĐ ngày 11 tháng 4 năm 2012 về Tuyển sinh lớp 6 và lớp 10 Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định, năm học 2012 – 2013.

11. Bản đề nghị về việc lập kinh phí chi trả bồi dưỡng cho Huấn luyện viên tham gia thỉnh giảng các lớp năng khiếu TDTT trong năm 2012.

12. Thông báo số 52/TB-VP ngày 18 tháng 01 năm 2013 kết luận chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hứa Ngọc Thuận tại cuộc họp để xác định loại hình trường THPT Chuyên Năng khiếu Thể dục thể thao Nguyễn Thị Định.